

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-29

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 04 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Thành	Chủ tịch	
Ông Võ Văn Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/5/2015
Ông Hồ Văn Tiến	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/09/2015
Ông Nguyễn Bá Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/09/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị

---

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Võ Quang Thành**

Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016



Số: 13/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Phú được lập ngày 06 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

---

**Vũ Xuân Biên**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>93.009.622.244</b>	<b>31.517.715.140</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.990.823.242	1.882.503.282
111	1. Tiền		9.990.823.242	1.882.503.282
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>34.820.969.481</b>	<b>13.883.543.041</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	11.021.111.233	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		18.474.752.544	11.150.693.041
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	3.408.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.917.105.704	2.732.850.000
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>47.615.074.881</b>	<b>15.700.802.667</b>
141	1. Hàng tồn kho		47.615.074.881	15.700.802.667
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>582.754.640</b>	<b>50.866.150</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		582.754.640	50.866.150
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>32.965.410.760</b>	<b>10.630.399.772</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>29.471.163.356</b>	<b>7.051.334.827</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	29.471.163.356	7.051.334.827
222	- Nguyên giá		34.054.951.302	9.007.599.369
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.583.787.946)	(1.956.264.542)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.494.247.404</b>	<b>3.579.064.945</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.494.247.404	3.579.064.945
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>125.975.033.004</b>	<b>42.148.114.912</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>12.544.787.948</b>	<b>16.875.149.637</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.082.787.948</b>	<b>16.875.149.637</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	709.016.335	280.621.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.000.000	7.163.050.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	376.852.788	2.138.243.432
314	4. Phải trả người lao động		-	59.223.204
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	20.540.286	48.359.366
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	10.432.000.000	7.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		543.378.539	185.652.635
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>462.000.000</b>	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	462.000.000	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>113.430.245.056</b>	<b>25.272.965.275</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	14	<b>113.430.245.056</b>	<b>25.272.965.275</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	20.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		543.378.539	185.652.635
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.880.653.507	5.087.312.640
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		4.371.860.832	5.087.312.640
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		6.508.792.675	-
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.006.213.010	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>125.975.033.004</b>	<b>42.148.114.912</b>

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Võ Quang Thành  
Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	107.181.153.442	45.762.779.699
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		107.181.153.442	45.762.779.699
11	4. Giá vốn hàng bán	16	95.762.631.268	44.517.897.620
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.418.522.174	1.244.882.079
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	33.310.452	1.530.772
22	7. Chi phí tài chính	18	782.529.836	272.670.914
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		782.529.836	272.670.914
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		233.565.769	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	3.460.179.921	1.543.349.865
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.975.557.100	(569.607.928)
31	12. Thu nhập khác		-	7.959.500.000
32	13. Chi phí khác		-	3.812.633.034
40	14. Lợi nhuận khác		-	4.146.866.966
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.975.557.100	3.577.259.038
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	376.852.788	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.598.704.312	3.577.259.038
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		6.508.792.675	3.577.259.038
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		89.911.637	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	1.716	1.610
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

ney

ney



Hồ Văn Tiến  
 Người lập

Hồ Văn Tiến  
 Kế toán trưởng

Võ Quang Thành  
 Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.975.557.100	3.577.259.038
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.047.128.329	1.352.661.050
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(32.584.008)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(726.444)	(4.156.240.541)
06	- Chi phí lãi vay		782.529.836	272.670.914
08	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.771.904.813	1.046.350.461
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.076.686.605	(5.584.034.886)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.818.889.650)	(4.182.991.053)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(30.822.277.601)	1.848.527.527
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		91.198.450	189.776.548
14	- Tiền lãi vay đã trả		(782.529.836)	(272.670.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(20.483.907.219)	(6.955.042.317)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(388.818.182)	(6.418.146.187)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	7.959.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.408.000.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.620.784.988	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		726.444	1.530.772
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		13.824.693.250	1.542.884.585
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		16.000.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		27.586.000.000	12.500.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(28.819.000.000)	(5.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		14.767.000.000	7.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.107.786.031	1.587.842.268

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.882.503.282	294.661.014
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		533.929	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.990.823.242</u>	<u>1.882.503.282</u>

*Trần*

*Trần*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Võ Quang Thành  
Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016

05  
C  
TY  
M HỮU H  
EM TO  
SC  
M. TP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 04 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số Công ty con: 1
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 1
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0
- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: Công ty thực hiện mua Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam tại thời điểm 01/11/2015.
- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Hà Nội	96,67%	96,67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 27.

**2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

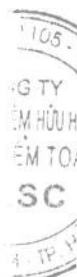
Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

**2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10	năm
- Tài sản cố định khác	08	năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 2.16 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

## 2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Ưu đãi thuế

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

**2.20 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.933.457.053	1.871.322.284
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.057.366.189	11.180.998
	<u>9.990.823.242</u>	<u>1.882.503.282</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		-
- Công ty Cổ Phần Thanh Hà	6.200.000.000	-
- Humburg Cofee Company	3.905.568.715	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	915.542.518	-
	<b>11.021.111.233</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	11.021.111.233	-
	<b>11.021.111.233</b>	<b>-</b>

**5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Tăng Tiền Dũng	800.000.000	-
- Hồ Văn Vỹ	600.000.000	-
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	2.008.000.000	-
	<b>3.408.000.000</b>	<b>-</b>

Khoản phải thu về cho vay là các khoản cho cá nhân là nhân viên trong Công ty vay với thời hạn 03 tháng, lãi suất 1%/tháng.

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	1.917.105.704	-	1.400.000.000	-
Phải thu khác	-	-	1.332.850.000	-
	<b>1.917.105.704</b>	<b>-</b>	<b>2.732.850.000</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.168.338.147	-	36.860.000	-
Thành phẩm	22.446.736.734	-	14.541.140.094	-
Hàng hoá	-	-	1.122.802.573	-
	<b>47.615.074.881</b>	<b>-</b>	<b>15.700.802.667</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	3.477.699.369	4.104.700.000	1.023.200.000	-	402.000.000	9.007.599.369
- Tăng do nhận góp vốn	4.074.000.000	1.926.000.000	-	-	-	6.000.000.000
- Tăng khác (*)	9.584.625.751	9.462.726.182	-	-	-	19.047.351.933
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.136.325.120</b>	<b>15.493.426.182</b>	<b>1.023.200.000</b>	<b>-</b>	<b>402.000.000</b>	<b>34.054.951.302</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	738.070.148	721.328.641	383.700.000	-	113.165.753	1.956.264.542
- Khấu hao trong năm	715.486.605	726.231.535	127.900.000	-	50.250.000	1.619.868.140
- Tăng khác (*)	-	1.007.655.264	-	-	-	1.007.655.264
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.453.556.753</b>	<b>2.455.215.440</b>	<b>511.600.000</b>	<b>-</b>	<b>163.415.753</b>	<b>4.583.787.946</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	2.739.629.221	3.383.371.359	639.500.000	-	288.834.247	7.051.334.827
Tại ngày cuối năm	<b>15.682.768.367</b>	<b>13.038.210.742</b>	<b>511.600.000</b>	<b>-</b>	<b>238.584.247</b>	<b>29.471.163.356</b>

(\*) Tăng do hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính Công ty con

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.844.996.059 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m <sup>2</sup>	3.439.866.407	3.525.892.938
Chi phí trả trước dài hạn khác	54.380.997	53.172.007
	<b>3.494.247.404</b>	<b>3.579.064.945</b>

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Hợp Phát	209.860.000	209.860.000	-	-
Công ty CP Gap Việt Nam	86.000.000	86.000.000	-	-
VINATRANCO	278.100.000	278.100.000	-	-
Công ty CP DV TMVT Phú Thành	-	-	280.621.000	280.621.000
Phải trả các đối tượng khác	135.056.335	135.056.335	-	-
	<b>709.016.335</b>	<b>709.016.335</b>	<b>280.621.000</b>	<b>280.621.000</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	709.016.335	709.016.335	280.621.000	280.621.000
	<b>709.016.335</b>	<b>709.016.335</b>	<b>280.621.000</b>	<b>280.621.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cộp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.138.243.432	-	-	2.138.243.432	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	376.852.788	-	-	376.852.788	-	-	376.852.788	-
	-	<b>2.138.243.432</b>	<b>376.852.788</b>	-	<b>2.138.243.432</b>	-	-	-	<b>376.852.788</b>	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	20.540.286	48.359.366	48.359.366	48.359.366
- Bảo hiểm xã hội	12.272.286	48.359.366	48.359.366	48.359.366
- Bảo hiểm y tế	5.724.000	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.544.000	-	-	-
	<b>20.540.286</b>	<b>48.359.366</b>	<b>48.359.366</b>	<b>48.359.366</b>

20...  
A-TR  
TOA  
C

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà						
- Nội _ Chi nhánh Hà Đông (1)	7.000.000.000	7.000.000.000	32.086.000.000	28.786.000.000	10.300.000.000	10.300.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	132.000.000	-	132.000.000	-
	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>32.218.000.000</b>	<b>28.786.000.000</b>	<b>10.432.000.000</b>	<b>10.300.000.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà						
- Nội _ Chi nhánh Hà Đông (2)	-	-	627.000.000	33.000.000	594.000.000	594.000.000
	-	-	<b>627.000.000</b>	<b>33.000.000</b>	<b>594.000.000</b>	<b>594.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(132.000.000)	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	<b>495.000.000</b>	<b>33.000.000</b>	<b>462.000.000</b>	<b>462.000.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 22/2014/HDHM - PN/SHB.11200 ngày 07/04/2014 và phụ lục gia hạn ngày 09/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6,8 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua cà phê thóc;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết 09/07/2016;
- + Lãi suất cho vay: 9,1%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 6.800.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng toàn bộ tài sản và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất cà phê và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.

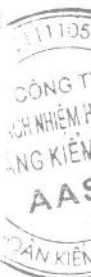
(1.2) Hợp đồng tín dụng số 201/2014/HĐHM-PN/SHB.112000 ngày 13/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 3.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thu mua cà phê;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ 13/11/2014 đến 13/11/2015, thời hạn mỗi khoản vay theo kế ước không quá 03 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: 9,1%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.500.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng dây chuyền máy móc sản xuất cà phê nhân tại Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội và tài sản hợp pháp của cá nhân khác.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(2) Hợp đồng tín dụng số 113/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.112000 ngày 07/04/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 660.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua máy phân loại màu (Color Sorter YJT WB3);
- + Thời hạn của hợp đồng: 05 năm kể từ ngày giải ngân 15/05/2015;
- + Lãi suất cho vay: 12,3%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cốp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quyđầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	185.652.635	5.087.312.640	-	25.272.965.275
Tăng vốn trong năm nay	80.000.000.000	-	-	-	80.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	6.508.792.675	89.911.637	6.598.704.312
Phân phối lợi nhuận	-	357.725.904	(715.451.808)	-	(357.725.904)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	1.916.301.373	1.916.301.373
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>543.378.539</b>	<b>10.880.653.507</b>	<b>2.006.213.010</b>	<b>113.430.245.056</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/TPG/NQ-DHĐCĐ ngày 09/03/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100%
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	357.725.904
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	357.725.904
Lợi nhuận chưa phân phối	80%	2.861.807.230

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
	Vốn góp của các cổ đông khác	100.000.000.000	86,00%	20.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thùy	74.000.000.000	74,00%	-	0,00%
- Ông Võ Quang Thành	12.000.000.000	12,00%	19.499.000.000	97,50%
- Các cổ đông khác	14.000.000.000	14,00%	501.000.000	2,51%
Cổ phiếu quỹ	-	0,00%	-	0,00%
<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	80.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	100.000.000.000	20.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	543.378.539	185.652.635
	<b>543.378.539</b>	<b>185.652.635</b>

**15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	101.221.153.442	45.762.779.699
Doanh thu bán hàng hóa	5.960.000.000	-
	<b>107.181.153.442</b>	<b>45.762.779.699</b>

**16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	87.779.524.735	44.517.897.620
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.862.802.573	-
Các khoản chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ	1.120.303.960	-
	<b>95.762.631.268</b>	<b>44.517.897.620</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	726.444	1.530.772
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	32.584.008	-
	<b>33.310.452</b>	<b>1.530.772</b>

**18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	782.529.836	272.670.914
	<b>782.529.836</b>	<b>272.670.914</b>

**19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	160.464.471
Chi phí nhân công	793.713.198	829.274.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	398.239.863
Thuế, phí, lệ phí	5.958.975	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.633.704	110.302.853
Chi phí khác bằng tiền	2.487.874.044	45.068.145
	<b>3.460.179.921</b>	<b>1.543.349.865</b>

**20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.975.557.100	3.577.259.038
Các khoản điều chỉnh tăng	86.026.531	172.053.062
- Chi phí không hợp lệ	86.026.531	172.053.062
Thu nhập tính thuế TNDN	7.061.583.631	3.749.312.100
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>376.852.788</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>376.852.788</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6.598.704.312	3.577.259.038
Các khoản điều chỉnh	-	(357.725.904)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(357.725.904)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.598.704.312	3.219.533.134
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.846.154	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.716</b>	<b>1.610</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 đã được điều chỉnh hồi tở theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

**22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.908.160.400	72.908.160.400
Chi phí nhân công	987.020.890	987.020.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.619.868.140	1.619.868.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	611.252.982	611.252.982
Chi phí khác bằng tiền	203.711.636	203.711.636
	<b>76.330.014.048</b>	<b>76.330.014.048</b>

**23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.823.242	-	1.882.503.282	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.938.216.937	-	2.732.850.000	-
Các khoản cho vay	3.408.000.000	-	-	-
	<b>26.337.040.179</b>	<b>-</b>	<b>4.615.353.282</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	10.894.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	729.556.621	328.980.366
	<b>11.623.556.621</b>	<b>7.328.980.366</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.823.242	-	-	9.990.823.242
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.938.216.937	-	-	12.938.216.937
Các khoản cho vay	3.408.000.000	-	-	3.408.000.000
	<b>26.337.040.179</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.337.040.179</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.882.503.282	-	-	1.882.503.282
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.732.850.000	-	-	2.732.850.000
	<b>4.615.353.282</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.615.353.282</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	10.300.000.000	594.000.000	-	10.894.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	729.556.621	-	-	729.556.621
	<b>11.029.556.621</b>	<b>594.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.623.556.621</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	328.980.366	-	-	328.980.366
	<b>7.328.980.366</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.328.980.366</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản xuất cà phê VND	Bán buôn hàng nông sản VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	101.221.153.442	5.960.000.000	107.181.153.442
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	88.899.828.695	6.862.802.573	95.762.631.268
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12.321.324.747</b>	<b>(902.802.573)</b>	<b>11.418.522.174</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	110.063.677.600	-	110.063.677.600
Tài sản không phân bổ	-	-	15.911.355.404
<b>Tổng tài sản</b>	<b>110.063.677.600</b>	<b>-</b>	<b>125.975.033.004</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7.510.016.335	-	7.510.016.335
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	5.034.771.613
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>7.510.016.335</b>	<b>-</b>	<b>12.544.787.948</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận khu vực địa lý.

**26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	107.376.000	101.046.899

**27 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty thực hiện hợp nhất số liệu Công ty CP Nasan Việt Nam nên số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014; đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Vì vậy, không thể so sách số liệu cuối năm trên Bảng cân đối kế toán với số liệu đầu năm, cũng như không thể so sánh số liệu năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số liệu năm trước.

*Handwritten signature*

Hồ Văn Tiến  
Người lập

*Handwritten signature*

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng



Võ Quang Thành  
Chủ tịch HĐQT

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2016